

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/KDTM-PT
Ngày 08/12/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/12/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm toà án nhân dân tối cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
08/2025/TLPT-KDTM ngày 01/10/2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2025/KDTM-ST ngày
13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nay là Tòa án nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1846/2025/QĐ-PT,
ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Yuh Jiun Industrial C., LTD; địa chỉ: số H, đường H, quận
N, thành phố Đ 702034, Trung Quốc (Đài Loan); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Nguyễn Thanh V1, sinh
năm 1998; cư trú tại: Số A, đường L, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành
phố Hồ Chí Minh (Nay là số A, đường L, khu phố G, phường H, Thành phố Hồ
Chí Minh), Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2024, được hợp thức hóa lãnh sự ngày
09/10/2024; có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH A, địa chỉ: số A, lô N, đường Đ, khu công nghiệp
S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Nay là: số 19, lô N, đường Đ, khu
công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Phan , sinh năm 1955; cư trú tại: SỐ B, NI SƯ H, PHƯỜNG A, QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NAY LÀ SỐ B, NI SƯ H, PHƯỜNG B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH), Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2024; có mặt.

- Người kháng cáo: Yuh Jiun I Co.,LTD là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Yuh J Co.,LTD là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Trung Quốc (Đài Loan) (sau đây gọi tắt là “YUH JIUN” hoặc “Bên Bán”), là đơn vị cung ứng các bộ phận, phụ kiện xe đạp cho Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là “ASAMA” hoặc “Bên Mua”). Do có mối quan hệ hợp tác làm ăn từ lâu nên hai công ty thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế với nhau thông qua email mà không trực tiếp ký kết hợp đồng.

Theo thông lệ, Bên Bán sẽ gửi email cho Bên Mua danh sách về loại hàng hóa, số lượng, giá cả, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển. Nếu Bên Mua không có yêu cầu thay đổi hay điều chỉnh gì thì Bên Bán sẽ tiến hành gửi hàng hóa cho đơn vị vận chuyển để giao hàng, Bên Bán theo đó sẽ làm thủ tục xuất khẩu. Đồng thời, cung cấp cho ASAMA các loại giấy tờ, chứng từ để thực hiện thủ tục nhập khẩu và nhận hàng tại Việt Nam, cụ thể gồm: Invoice (hóa đơn); P (danh sách hàng hóa đóng gói) và Bill of lading (vận đơn).

Theo các hóa đơn, tờ khai hải quan để xuất khẩu hàng hóa, email thông báo đơn hàng thì điều kiện giao hàng hóa quốc tế mà các bên lựa chọn là EXW (giao hàng tại xưởng của người bán); với điều kiện này thì sau khi Bên Bán hoàn thành việc giao hàng cho đơn vị vận chuyển thì Bên Mua phải thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa cho Bên Bán.

Căn cứ 14 hóa đơn, chứng từ xuất, nhập khẩu từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023, tổng giá trị hàng hóa Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đã cung cấp cho ASAMA là 3.594.798,37 USD, trong đó ASAMA chỉ mới thanh toán cho 02 hóa đơn (cụ thể: hóa đơn VN-230818A ngày 18/8/2023 và hóa đơn VN-230818D ngày 18/8/2023) với số tiền là 1.177.788,06 USD; còn nợ lại 12 hóa đơn với tổng số tiền 2.417.010,31 USD chưa thanh toán, cụ thể như sau:

Ngày phát hành hóa đơn	Hóa Đơn	Hãng vận chuyển	Mã Vận Đơn	Điều kiện giao hàng	Giá trị hàng hóa (USD)	Ngày Bên Bán giao hàng	Ngày xếp hàng lên tàu/máy bay khởi hành	Ngày Bên Mua nhận hàng từ cảng đích
18/08/2023	VN-230818A	YANG MING MARINE TRANSPORT CORP.	YMLUI21 6459701	EXW	26,233.14	Đã thanh toán		
18/08/2023	VN-230818D	YANG MING MARINE	YMLUI20 9473680	EXW	51,554.92			

		TRANSPOR T CORP.						
13/09/2023	VN-230913D	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMLUI20 9474994	EXW	48,852.19	13/09/ 2023	17/09/ 2023	26/09/2023
13/09/2023	VN- 230913D- B8	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMLUI20 9474994	EXW	13,658.26	13/09/ 2023	17/09/ 2023	26/09/2023
19/09/2023	VN20230919	VISION EXPRESS LOGISTIC CO.,LTD.	978- 2021554 3	EXW	5,415.00	21/09/ 2023	21/09/ 2023	21/09/2023
22/09/2023	VN-230922T	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMLUI21 6461507	EXW	25,278.60	22/09/ 2023	28/09/ 2023	04/10/2023
27/09/2023	VN-230927	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 476685	EXW	05,235.19	27/09/ 2023	10/10/ 2023	18/10/2023
20/10/2023	VN-231020	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 477739	EXW	43,565.26	20/10/ 2023	24/10/ 2023	02/11/2023
20/10/2023	VN-231020- B8	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 477739	EXW	1,912.29	20/10/ 2023	24/10/ 2023	02/11/2023
17/11/2023	VN-231117A	TRANS WAGON INTRERNA TIONAL CO.,LTD.	3HC8E002 2B3142	EXW	60,488.01	16/11/ 2023	21/11/ 2023	28/11/2023
29/11/2023	VN-231129	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 480525	EXW	93,881.80	29/11/ 2023	02/12/ 2023	12/12/2023
22/12/2023	VN-231222T	TRANS WAGON INTRERNA TIONAL CO.,LTD.	3HCC9SN 068B309 1	EXW	39,984.63	20/12/ 2023	25/12/ 2023	03/01/2024
22/12/2023	VN-231222	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 482918	EXW	63,882.83	22/12/ 2023	25/12/ 2023	04/01/2024
22/12/ /2023	VN-231222- B8	YANG MING MARINE TRANSPOR T CORP.	YMJAI209 482918	EXW	14,856.2 5	22/12/ 2023	25/12/ 2023	04/01/2024

Bên Mua không thực hiện việc thanh toán 12 hóa đơn cho Bên Bán. Ngày 03/6/2024, Bên Bán đã gửi email yêu cầu Bên Mua phải thanh toán ngay các khoản tiền mua hàng đã nhận nhưng Bên Mua không phản hồi.

Theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 thì “trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán vào thời điểm Bên Bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa”. Theo tập quán mua bán hàng hóa quốc tế (I) với điều kiện giao hàng tại xưởng của người bán (EXW) thì kể từ thời điểm Bên Bán giao hàng cho đơn vị vận chuyển, Bên Bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.

Nay, Bên Bán là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bên Mua là bị đơn Công ty TNHH A1 phải trả số tiền đã mua hàng hóa theo 12 hóa đơn, chứng từ với số tiền gốc là: 2.417.010,31 USD (tương đương với 60.932.829.915,1 đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán đến thời điểm thực tế thanh toán, tạm tính từ thời điểm làm đơn khởi kiện (ngày 15/8/2024) là 211.803,24 USD (tương đương 5.339.559.680,40 đồng); nghĩa vụ thanh toán được tính theo từng hóa đơn từ ngày giao hàng từ cảng C, Đài Loan đã được liệt kê trong đơn khởi kiện và bảng trình bày ý kiến. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải thanh toán (tạm tính đến ngày 15/8/2024) là: 2.628.813,55 USD (tương đương 66.272.389.595,50 đồng).

- *Bị đơn Công ty TNHH A và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày:*

Bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nguyên đơn như nguyên đơn trình bày, mỗi lần mua hàng bị đơn đều gửi email cho nguyên đơn, nguyên xác nhận nội dung và gửi hàng cho bị đơn. Theo thỏa thuận thì bị đơn nhận hàng (và hóa đơn chứng từ kèm theo) tại cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thanh toán là 270 ngày kể từ ngày bị đơn nhận hàng, không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán. Tất cả các hợp đồng đều do ông F, CHIEN-CHUNG với vai trò Phó Tổng Giám đốc (được ủy quyền điều hành) chỉ đạo thực hiện.

Bị đơn thống nhất về số tiền còn nợ nguyên đơn theo 12 hóa đơn là 2.417.010,31 USD (trả bằng tiền USD), không đồng ý về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, với lý do:

+ Nếu 02 bên không có thỏa thuận thanh toán bằng VNĐ hoặc có thỏa thuận thanh toán bằng USD quy đổi ra VNĐ nên không áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại. Luật chuyên ngành không có quy định việc tính lãi suất chậm thanh toán bằng đồng USD. Ngân hàng N đã áp dụng trần lãi suất tiền gửi USD 1%/năm đối với tổ chức vào năm 2010 và 3%/năm đối với cá nhân năm 2011 và điều chỉnh giảm dần về mức 0%/năm từ cuối năm 2015. Mới nhất là Quyết định số 2410/QĐNHNN ngày 01/11/2024 của Ngân hàng N công bố mức lãi suất USD bằng 0%. Do đó, nguyên đơn không thể tính lãi chậm trả trong trường hợp này (tiền USD năm 2023 khoảng 23.000 VNĐ/USD năm 2025 lên 26.000 VNĐ/USD, thực chất đã tăng hơn 10%).

+ Các bên không có quy định lãi suất chậm trả, phạt hợp đồng nên việc áp dụng tập quán quốc tế để tính lãi là không có cơ sở; do không có thỏa thuận, thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam nên phải áp dụng luật Việt Nam, hiện tại Việt Nam có quy định lãi suất đối với đô la Mỹ là 0% nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2025/KDTM-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 68; khoản 25 Điều 70; khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, các Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đối với bị đơn Công ty TNHH A về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH A phải trả cho nguyên đơn Yuh J Co.,LTD số tiền mua hàng còn thiếu là 2.417.010,31USD và lãi suất chậm thanh toán là 140.512,92 USD; tổng cộng là 2.557.523,23 USD. Nghĩa vụ thanh toán ngoại tệ USD được quy đổi ra VNĐ là 66.605.577.363 đồng (sáu mươi sáu tỷ sáu trăm lẻ năm triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đối với bị đơn Công ty TNHH A về tiền lãi chậm trả trong thời gian 270 ngày; số tiền không chấp nhận là 291.172,17 USD tương đương số tiền 7.582.996.823 đồng (bảy tỷ năm trăm tám mươi hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/6/2025 nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên như nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi suất chậm thanh toán là 559.852,73USD; không công nhận các hợp đồng mua bán hàng hoá do bị đơn cung cấp, vì con dấu không phải của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không phải bà FANG WU SHIEH –LI, nên bà FANG WU SHIEH –LI ký uỷ quyền là không đúng thẩm quyền. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng bị đơn cung cấp để tính tiền lãi và lãi suất quá hạn không đúng quy định. Đề nghị sửa án theo hướng tính lãi từ ngày giao hàng tại cảng C Đài Loan (Trung Quốc), lãi suất quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng là 0,03%/ngày, tương đương 12,325%/năm, cụ thể tiền lãi là 559.852,73USD. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông FANG, CHIEN-CHUNG là người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn; tại thời điểm mua bán, ký kết hợp đồng ông F, CHIEN-CHUNG với vai trò Phó Tổng Giám đốc bị đơn, được uỷ quyền điều hành, chỉ đạo thực hiện bị đơn; do ông F, CHIEN-CHUNG là cấp trên của các Công ty, nên sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không kháng cáo là tôn trọng ông F, CHIEN-CHUNG chứ lỗi chậm trả không phải lỗi của bị đơn và email, hợp đồng mua bán hàng hóa do hai bên cung cấp không có điều khoản

nào nói chậm giao trả tiền thì phải trả tiền lãi hoặc phạt lãi chậm trả; hơn nữa hai bên thanh toán bằng USD nhưng quy định của Ngân hàng N thì lãi suất USD là 0%. Do bị đơn không kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ; bị đơn cung cấp hợp đồng mua bán giữa hai bên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ hợp đồng để xác định sau 270 ngày nhận hàng của bị đơn để tính lãi là có cơ sở. Đối với lãi suất quá hạn chưa áp dụng đúng mức lãi suất trung bình của 3 Ngân hàng nên chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial C.,LTD:

[2.1]. Theo tài liệu nguyên đơn và bị đơn cung cấp thể hiện: Nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD (Y) là tổ chức kinh tế đăng ký thành lập tại lãnh thổ Đài Loan; đăng ký lại vào ngày 29/5/2023; mã số thuế (mã số công ty) 68467242. Người đại diện theo pháp luật: Ông FANG, CHIEN-CHUNG. Ngoài ra, còn có 02 Giám đốc là TSENG, HUNG-CHI và FANG, HSIN-CHIEH; người giám sát: CHANG, CHUN-JU. Bị đơn Công ty TNHH A; mã số doanh nghiệp: 3700326669; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18/5/2021 kèm theo Điều lệ công ty thì người đại diện theo pháp luật và chủ sở hữu công ty D là bà FANG WU, SHIEH-LI. Tại thời điểm ký hợp đồng (tháng 6/2023 đến tháng 12/2023) thì ông F, CHIEN-CHUNG là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn YUH JIUN (Đài Loan) đồng thời là Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền điều hành bị đơn Công ty TNHH A; ông WU HSIN HSIEN đại diện cho Công ty TNHH A (theo ủy quyền của bà FANG WU SHIEH –LI) là người ký tên trong các hợp đồng mua bán (đơn đặt hàng).

[2.2]. Theo trình bày của nguyên đơn bên bán đã gửi email cho bị đơn bên mua danh sách về loại hàng hóa, số lượng, giá cả, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển; bên mua không thay đổi, điều chỉnh gì thì bên bán sẽ tiến hành gửi hàng hóa cho đơn vị vận chuyển để giao hàng; bên bán theo đó sẽ làm thủ tục xuất khẩu và cung cấp cho bên mua các loại giấy tờ, chứng từ để thực hiện thủ tục nhập khẩu và nhận hàng tại Việt Nam. Thực tế, bị đơn đã làm thủ tục nhập khẩu và nhận hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam; hai bên đã thừa nhận và không tranh chấp số lượng, chủng loại hàng hóa mua bán.

[2.3]. Nguyên đơn không cung cấp được email mua bán hàng hoá (phụ tùng xe đạp) cho Toà án, với lý do dữ liệu đã bị xoá; và cho rằng giữa hai bên đã mua bán từ trước nên không ký kết hợp đồng mua bán. Nguyên đơn chỉ cung cấp 14 Invoice (hóa đơn); Packing list (danh sách hàng hóa đóng gói) và Bill of lading (vận đơn). Bị đơn đã cung cấp hợp đồng và bản dịch 14 hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn; đồng thời, bị đơn cung cấp chứng từ đã thanh toán cho nguyên đơn 02 hợp đồng (Giấy báo chuyển tiền đi ngày 30/11/2023 của Ngân hàng C2 tại Thành phố Hồ Chí Minh) là 1.177.788,6 USD và hiện nay hai bên thống nhất bị đơn còn nợ tiền hàng hóa của nguyên đơn 12 hợp đồng (hóa đơn) là 2.417.010,31 USD.

[2.4]. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không công nhận 14 hợp đồng mua bán, do bị đơn cung cấp. Với lý do con dấu trong hợp đồng mua bán do bị đơn cung cấp không phải con dấu của nguyên đơn; người ký kết hợp đồng không đúng thẩm quyền (người đại diện của nguyên đơn FANG WU XUE XIA và người đại diện của bị đơn WU HSIN HSIEN ký từ ngày 21/8/2023 đến ngày 02/12/2023). Tuy nhiên, căn cứ 14 I (hóa đơn) và Bill of lading (vận đơn) nguyên đơn cung cấp thì số lượng, chủng loại và giá trị hàng hoá bị đơn đã nhận, phù hợp với 14 hợp đồng mua bán do bị đơn cung cấp; dù nguyên đơn cho rằng con dấu trong hợp đồng mua bán hàng hóa, không phải con dấu của nguyên đơn và không được người có thẩm quyền ký kết nhưng quá trình thực hiện người có thẩm quyền chấp nhận và đã thực hiện hợp đồng thì không bị coi là vô hiệu theo quy định tại điểm 2. Mục 1. Phần I Nghị Quyết 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2023 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh tế.

[2.5]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn và bị đơn cung cấp 14 Invoice (hóa đơn); Packing list (danh sách hàng hóa đóng gói), Bill of lading (vận đơn), 14 hợp đồng mua bán và bản dịch hợp đồng chỉ thỏa thuận sau 270 ngày, kể từ ngày nhận hàng bị đơn phải thanh toán tiền bằng đồng USD cho nguyên đơn; hai bên không có thỏa thuận phạt chậm thanh toán USD; vụ kiện được Tòa án Việt Nam giải quyết tranh chấp nên phải áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Như vậy, theo tài liệu hai bên cung cấp thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 12 hợp đồng (hóa đơn) còn nợ là 2.417.010,31USD là phù hợp. Mặt khác, theo Quyết định số 2410/QĐNHNN ngày 01/11/2024 của Ngân hàng N công bố mức lãi suất USD bằng 0% nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã dùng mức lãi suất USD trung bình của 3 Ngân hàng N cho vay, để tính lãi suất chậm trả là chưa phù hợp. Nay, bị đơn không kháng cáo nội dung này nên Tòa cấp phúc thẩm không xem xét.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn là không có căn cứ; quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2025/KDTM-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 68; khoản 25 Điều 70; khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại; Quyết định số 2410/QĐNHNN ngày 01/11/2024 của Ngân hàng N; Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đối với bị đơn Công ty TNHH A về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH A phải trả cho nguyên đơn Yuh J Co.,LTD số tiền mua hàng còn thiếu là 2.417.010,31USD và lãi suất chậm thanh toán là 140.512,92 USD; tổng cộng là 2.557.523,23 USD. Nghĩa vụ thanh toán ngoại tệ USD được quy đổi ra VNĐ là 66.605.577.363 đồng (sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD đối với bị đơn Công ty TNHH A về tiền lãi chậm trả trong thời gian 270 ngày; số tiền không chấp nhận là 291.172,17 USD tương đương số tiền 7.582.996.823 đồng (bảy tỷ năm trăm tám mươi hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

3. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn Yuh Jiun Industrial Co.,LTD phải chịu số tiền 115.582.997 (một trăm mười lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) được khấu trừ vào số tiền 87.136.195 đồng (tám mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn một trăm chín mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003574 ngày 10 tháng 12 năm 2024 (do bà Đình Nguyễn

Thanh V1 nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Y Co.,LTD còn phải nộp số tiền 28.446.802 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

Bị đơn Công ty TNHH A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền 174.605.577 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

II. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Yuh J Co.,LTD phải chịu 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002187 ngày 07/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Đinh Ngọc Thu Hương

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, NTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

